

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG GIANG
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST

Ngày 08/9/2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG GIANG, TỈNH QUẢNG NAM

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Thảo.
2. Bà Dương Thị Phường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bơ Nướch Rè - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Giang tham gia phiên tòa: Ông A Ting Tộc- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Thôn S, xã B, huyện G, tỉnh Quảng Nam.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đình V, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Thôn S, xã B, huyện G, tỉnh Quảng Nam.

(Chị T có mặt, anh V vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/02/2021 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đình V tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Quảng Nam vào năm 1998. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do khác nhau về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, không tin tưởng lẫn nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, nhiều lần anh V còn đánh đập chị dẫn đến cuộc hôn nhân ngày càng căng thẳng, không có hạnh phúc. Do mâu thuẫn

vợ chồng đã thực sự trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh V được ly hôn với nhau.

Về con chung: Chị T và anh V có 04 con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 19/8/1999; Nguyễn Đình T, sinh ngày 21/10/2000; Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 03/3/2005 và Nguyễn Thị Phương U, sinh ngày 18/9/2011. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đình T và cháu U cho đến khi trưởng thành, có khả năng lao động. Chị T không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Nguyễn Văn T và cháu Nguyễn Thị Thùy T đã trưởng thành nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh V có tài sản chung và nợ chung nhưng tự thỏa thuận giải quyết nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Đình V, mặc dù đã được Tòa án Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập đến tham gia phiên tòa nhưng anh V đều cố tình vắng mặt không có lý do nên không trình bày được quan điểm về nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Giang phát biểu ý kiến như sau:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Đối với bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn không tham gia tố tụng. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn anh Nguyễn Đình V; yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định: Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Đình V có địa chỉ cư trú tại thôn S, xã B, huyện G, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh Nguyễn Đình V đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Đình V là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19/1998 ngày 30/12/1998 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Quảng Nam nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo chị Nguyễn Thị Thanh T khai nhận thì trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do khác nhau về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng không còn tiếng nói chung, không còn quan tâm gì đến nhau dẫn đến cuộc sống hôn nhân ngày càng căng thẳng, không có hạnh phúc. Chị Nguyễn Thị Thanh T xác định tình cảm không còn, và mong Tòa án xét xử cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đình V.

Anh Nguyễn Đình V không hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai tại hồ sơ.

Hội đồng xét xử xét thấy, qua xác minh tại địa phương thì vợ chồng chị T và anh V có điều kiện kinh tế khó khăn, thường hay cãi vã có lúc đánh đập lẫn nhau. Do vậy, việc chị Nguyễn Thị Thanh T cho rằng nguyên nhân dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc là do khác nhau về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên mâu thuẫn lẫn nhau là có căn cứ. Hơn nữa, tại phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng anh Nguyễn Đình V vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, điều đó cho thấy anh Nguyễn Đình V không tôn trọng pháp luật và thiếu thiện chí trong việc hàn gắn cuộc hôn nhân của mình, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh Nguyễn Đình V và chị Nguyễn Thị Thanh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Đình V, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Giang tại phiên tòa là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Đình V có 04 con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 19/8/1999; Nguyễn Đình T, sinh ngày 21/10/2000; Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 03/3/2005 và Nguyễn Thị Phương U, sinh ngày 18/9/2011. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thùy T và cháu U cho đến khi trưởng thành, có khả năng lao động. Chị T không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Nguyễn Văn T và cháu Nguyễn Đình T đã trưởng thành nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy, trong suốt quá trình tố tụng anh Nguyễn Đình V không có ý kiến về vấn đề con chung, cháu Nguyễn Thị Thùy T và cháu U có nguyện vọng được ở với mẹ và cần sự chăm sóc trực tiếp của mẹ nhiều hơn. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thị Thùy T và cháu U cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, anh Nguyễn Đình V không cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ. Đối với cháu Nguyễn Văn T và cháu Nguyễn Đình T đã trên 18 tuổi, cơ thể, trí tuệ phát triển bình thường chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau này, anh Nguyễn Đình V có tranh chấp về việc nuôi con chung và cấp dưỡng thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh V có tài sản chung và nợ chung nhưng tự thỏa thuận giải quyết nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, sau này các bên đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm, do chị T là nguyên đơn nên chị phải chịu toàn bộ án phí ly hôn 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, dù các yêu cầu của chị được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Đình V.

2. Về quan hệ con chung: Giao các cháu Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 03/3/2005 và Nguyễn Thị Phương U, sinh ngày 18/9/2011 cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh Nguyễn Đình V không cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con vẫn có quyền đến thăm nom con, người trực tiếp nuôi con không được cản trở nếu họ không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Hai đương sự đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 007890 ngày 18/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Giang (chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Đông Giang;
- Chi cục THADS huyện Đông Giang;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Quang